TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 1, ngày 28 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Số 219/20/11 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Số 219/20/11 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn yêu cầu đề ngày 03/01/2019, ông T, bà L cùng yêu cầu Tòa án giải quyết việc thuận tình ly hôn. Ông T, bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2004 ngày 12/3/2004, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà L là hợp pháp. Theo ông T, bà L cùng trình bày: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khi con được 5 tuổi thì hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ngoài ra, kinh tế gia đình cũng khó khăn làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T, bà L thỏa thuận giao con chung tên Trần Xuân M (giới tính nữ), sinh ngày 04/5/2004 cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân L thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2004 do Uỷ ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2004).

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao con chung tên Trần Xuân M (giới tính nữ), sinh ngày 04/5/2004 cho ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân TL xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân L chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0007040 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND phường Y, Quận Z;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Mạnh